

NHỮNG ĐẶC QUYỀN CỦA SINH VIÊN NTTU



100%
ĐƯỢC NHẬN
HỌC BỔNG ĐẦU VÀO

- Chất lượng đào tạo **đạt chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế**
- Đa dạng học bổng
- Ổn định học phí** trong suốt khóa học
- Cơ sở vật chất hiện đại **chuẩn 5 sao quốc tế**
- Trải nghiệm thực tế, **“nạp” kiến thức – “thu” kinh nghiệm** từ giảng đường doanh nghiệp
- Cơ hội thực tập, giao lưu quốc tế liên tục
- Được ươm mầm khởi nghiệp – sáng tạo

100%
ĐƯỢC GIỚI THIỆU
VIỆC LÀM
SAU TỐT NGHIỆP

50%
GIẢNG VIÊN LÀ CEO VÀ
CHUYÊN GIA ĐẦU NGÀNH
ĐẾN TỪ DOANH NGHIỆP

XẾP HẠNG 5 ở Việt Nam
XẾP HẠNG 84 ở khu vực Đông Nam Á
XẾP HẠNG 400 – 500 Châu Á



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT
Vì thành tích xuất sắc trong GD&ĐT



ĐẠT CHUẨN KIỂM ĐỊNH
cấp Cơ sở giáo dục của Bộ GD&ĐT



ĐƯỢC GẮN 5 SAO UPM
(University Performance Metrics)



45 CHỨNG NHẬN kiểm định
cấp chương trình đào tạo



TOP 3
Trường Đại học Việt Nam trên BXH
SCImago Institutions Rankings 2022



TOP 7
Trường Đại học của Việt Nam trong
BXH Webometrics lần 1/2023



TOP 5
cả nước về công trình nghiên cứu
công bố quốc tế (theo tạp chí ISI)



TOP 4
Trường Đại học Việt Nam tại
BXH Thế giới URAP 2023

HỌC TẬP & TRẢI NGHIỆM SINH VIÊN TẠI NTTU

1. MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP HIỆN ĐẠI

- 4 cơ sở đào tạo – thực hành chất lượng cao
- Phòng học tiêu chuẩn, màn hình – máy chiếu – wifi toàn trường
- Phòng học thông minh & studio giảng dạy trực tuyến
- Thư viện hiện đại, không gian tự học & làm việc nhóm sáng tạo
- Hệ thống phòng lab, mô phỏng và thực hành với trang thiết bị tiên tiến



2. ĐỜI SỐNG ĐA TIỆN ÍCH

- Khu thể thao đa năng, phòng gym, khu sinh hoạt giải trí
- Nhà ăn – ký túc xá an ninh 24/7 – tiện ích đầy đủ phục vụ sinh hoạt



3. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN - ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- Sự kiện sinh viên sôi động: Lễ khai giảng, lễ vinh danh, hội trại, festival
- Nhiều cộng đồng và Câu lạc bộ để bạn khám phá bản thân
- Hoạt động thiện nguyện – gắn kết cộng đồng – lan tỏa giá trị sống đẹp
- Các cuộc thi học thuật – nghệ thuật – thể thao để tỏa sáng tài năng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGUYỄN TẤT THÀNH
THỰC HỌC - THỰC HÀNH - THỰC DANH - THỰC NGHIỆP

VỮNG ĐẠI HỌC
Chắc Tương lai

MÃ TRƯỜNG
NTT



Scan me!

CÁC KÊNH THÔNG TIN TUYỂN SINH – NTTU



tuyensinh.nttu.edu.vn



ntt.edu.vn



Facebook



Zalo

☎ **0902 298 300 - 0912 298 300 - 0914 298 300**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGUYỄN TẤT THÀNH
THỰC HỌC - THỰC HÀNH - THỰC DANH - THỰC NGHIỆP

☎ 1900 2039

✉ ntt@ntt.edu.vn

www.tuyensinh@ntt.edu.vn

CƠ SỞ ĐÀO TẠO

📍 Cơ sở 300A – Quận 4 (cũ)
298A-300A Nguyễn Tất Thành, P.Xóm Chiếu, TP. HCM

📍 Cơ sở Nguyễn Hữu Thọ – Quận 7 (cũ)
458/3F Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Hưng, TP. HCM

📍 Cơ sở An Phú Đông – Quận 12 (cũ)
331A-331B Đỗ Mười, P. An Phú Đông, TP. HCM
1165 Đỗ Mười, P. An Phú Đông, TP. HCM

📍 Khu Công nghệ cao – TP. Thủ Đức
Lô E3-1.1, E3-1.2, E3-1.3 – Khu Công nghệ cao, Đ. Võ Chí Công,
P.Tăng Nhơn Phú, TP. HCM

CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 2026



PHƯƠNG THỨC 1:

Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026 theo tổ hợp môn.

PHƯƠNG THỨC 2:

- Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
- Xét điểm Cả năm lớp 12: tổng ĐTB môn học cả năm lớp 12 theo tổ hợp môn đạt từ 18 trở lên.
 - Xét kết hợp: tổng ĐTB môn học cả năm lớp 12 theo tổ hợp môn kết hợp Điểm thi tốt nghiệp THPT/ Điểm thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) đạt từ 18 trở lên.

PHƯƠNG THỨC 3:

Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra Đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia TP HCM, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Sư phạm TP HCM.

PHƯƠNG THỨC 4:

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG

HỌC BỔNG “KHUYẾN HỌC”

Lên đến **17.000.000** đồng/suất tặng 2.000 SV nhập học trước ngày 15/09/2026

HỌC BỔNG “DOANH NGHIỆP”

50% HỌC PHÍ toàn khóa cho SV ngành Vật lý y khoa, Kỹ thuật y sinh, Thiết kế nội thất, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ sinh học.

30% HỌC PHÍ toàn khóa cho nữ SV ngành Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc

HỌC BỔNG “TÀI NĂNG” & “NÂNG BƯỚC THỦ KHOA”

100% HỌC PHÍ toàn khóa:

- SV đạt giải nhất/nhì/ba hoặc huy chương vàng/bạc/đồng các cuộc thi HS giỏi cấp tỉnh/quốc gia, cuộc thi nghệ thuật quốc gia.
- Thủ khoa của trường với điểm xét đạt trên 27/30

50% HỌC PHÍ toàn khóa:

- Thủ khoa mỗi khoa với điểm xét đạt trên 25/30 điểm
- SV đạt giải tư/khuyến khích các cuộc thi HS giỏi/ngệ thuật quốc gia
- SV đạt giải nhất/nhì/ba các cuộc thi năng khiếu/ngệ thuật/thể thao cấp tỉnh

CÁC MỐC THỜI GIAN CẦN LƯU Ý

THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT HỌC BẠ

- Đợt 1: từ ngày thông báo – 04/2026
- Đợt 2: 05/2026 – 06/2026
- Đợt 3: 07/2026

LỊCH THI NĂNG KHIẾU

- Đợt 1: từ ngày thông báo – 04/2026
- Đợt 2: 05/2026 – 06/2026
- Đợt 3: 07/2026



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

THỰC HỌC - THỰC HÀNH - THỰC DANH - THỰC NGHIỆP

KHỐI NGÀNH CÔNG NGHỆ				
STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Công nghệ sinh học	7420201	3.5	A00, B00, D07, D08
2	Khoa học y sinh	7420204	3.5	B00, B03, B06, X03
3	Kỹ thuật phần mềm - Công nghệ kỹ thuật phần mềm - Thực tế ảo và lập trình games	7480103	3	A00, A01, D01, D07
4	Công nghệ thông tin - Kỹ thuật hệ thống thông tin - Hệ thống thông tin	7480201	3	A00, A01, D01, D07
5	Công nghệ thông tin (Chuẩn quốc tế) - Kỹ thuật phần mềm - Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201_QT 7480201_CNST	4	A00, A01, C01, C03, D01
6	Khoa học máy tính - Khoa học dữ liệu - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480101	3	A00, A01, D01, D07
7	Trí tuệ nhân tạo - Công nghệ trí tuệ nhân tạo - Thị giác máy tính	7480107	3	A00, A01, D01, D07
8	Khoa học vật liệu	7440122	3.5	A00, A01, D07, B00
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Kỹ thuật điện, điện tử - Tự động hóa - Công nghệ vi mạch bán dẫn	7510301	4	A00, A01, D01, D07
10	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - Cơ điện tử - Robot và trí tuệ nhân tạo	7510203	4	A00, A01, D01, D07
11	Kỹ thuật cơ khí - Công nghệ chế tạo máy số - Cơ khí tự động	7520103	4	A00, A01, D01, D07
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ ô tô điện	7510205	4	A00, A01, D01, D07
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô (Chuẩn quốc tế)	7510205_QT	4	A00, A01, C03, D01
14	Công nghệ thực phẩm	7540101	3.5	A00, A01, B00, C02, D01, D07
15	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	3.5	A00, A01, B00, D01, D07
16	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	3.5	C01, C04, D01, X01
17	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (Chuẩn quốc tế)	7510605_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
18	Công nghệ Logistics	7510605	4	A00, A01, D01, D07
19	Kỹ thuật y sinh	7520212	4	A00, A01, A02, A03, A04, B00, C01, X05, X06, X07, X08
20	Vật lý y khoa	7520403	4	A00, A01, A02, A03, A04, B00, C01, X05, X06, X07, X08
21	Kiến trúc	7580101	4.5	D01, V01, H01, C04
22	Thiết kế nội thất	7580108	4	D01, A00, A01, D07
23	Kỹ thuật xây dựng	7580201	4	A00, A01, D01, X02
24	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	3.5	A00, B00, D01, C02
25	Hóa dược	7720203	3.5	A00, A01, B00, D07

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI NGÀNH KINH TẾ				
STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Quản trị kinh doanh - Kinh doanh Tổng hợp - Kinh doanh Thương mại	7340101	3.5	C01, C02, C03, C04, D01, C14
2	Quản trị kinh doanh (Chuẩn quốc tế) - Kinh doanh Quốc tế - Quản trị doanh nghiệp và công nghệ	7340101_QT 7340101_DNCN	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
3	Quản trị nhân lực	7340404	3.5	C01, C04, D01, X01
4	Marketing	7340115	3	C01, C04, D01, C14, A00, A01
5	Marketing (Chuẩn quốc tế) Marketing số và truyền thông xã hội	7340115_DM	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	3.5	C01, C04, D01, C14
7	Thương mại điện tử	7340122	3.5	C01, C04, D01, D07, A00, A01, X01, X06, X25
8	Thương mại điện tử (Chuẩn quốc tế)	7340122_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
9	Tài chính - Ngân hàng - Tài chính - Ngân hàng - Công nghệ tài chính	7340201	3	A00, A01, D01, D07
10	Kế toán	7340301	3	A00, A01, D01, D07
11	Kế toán (Chuẩn quốc tế) Kế toán tài chính	7340301_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
12	Luật - Luật hành chính - Luật dân sự - Luật hình sự	7380101	3.5	A00, A01, C00, D01
13	Luật kinh tế	7380107	4	A00, A01, C00, D01
14	Luật kinh tế (Chuẩn quốc tế)	7380107_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
15	Kinh tế số	7310109	3.5	C01, C02, C03, C04, D01, C14

KHỐI NGÀNH NGHỆ THUẬT – MỸ THUẬT				
1	Thanh nhạc	7210205	3	N01
2	Piano	7210208	3	N00
3	Thiết kế đồ họa	7210403	4	D01, A00, A01, D07
4	Thiết kế thời trang	7210404	3.5	A00, A01, D01, D14
5	Biên đạo múa Sáng tác - Giảng dạy múa Sáng tác - Diễn viên Múa	7210243	3	N03

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC				
1	Công nghệ giáo dục	7140103	3	A00, A01, D01



KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE				
STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Y khoa	7720101	6	B00, D07, D08
2	Y học dự phòng	7720110	6	B00, D07, D08
3	Răng - Hàm - Mặt	7720501	6	A00, A01, B00, D07
4	Dược học - Quản lý và cung ứng thuốc - Sản xuất và phát triển thuốc - Dược lâm sàng	7720201	5	A00, A01, B00, D07
5	Điều dưỡng - Điều dưỡng - Gây mê hồi sức - Răng hàm mặt	7720301	4	A00, A01, B00, D07
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	4	A00, B00, D07, D08
7	Quản lý bệnh viện - Quản trị bệnh viện - Thư ký y khoa	7720802	3	B00, C00, C04, D01
8	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7720603	4	A00, A01, B00, D07
9	Y học cổ truyền	7720115	6	A00, B00, B08, D07
10	Thú Y - Bệnh học động vật - Dược thú y - Thú y thủy sản - Thú cưng	7640101	4.5	A00, B00, D07, D08, X14

KHỐI NGÀNH XÃ HỘI – NHÂN VĂN				
STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Ngôn ngữ Anh - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh - Biên phiên dịch - Tiếng anh thương mại	7220201	3.5	C00, C14, C15, D01
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	3.5	C00, C14, C15, D01
3	Đồng phương học - Hàn Quốc học - Nhật Bản học	7310608	3.5	C00, C14, C15, D01
4	Tâm lý học - Tham vấn - Trị liệu - Tham vấn - Quản trị nhân sự	7310401	3	B00, C00, D01, D14
5	Truyền thông đa phương tiện - Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện - Truyền thông doanh nghiệp - Sáng tạo nội dung truyền thông số	7320104	3.5	A01, C00, D01, D15
6	Quan hệ công chúng	7320108	3	A01, C00, D01, D14
7	Du lịch - Quản lý du lịch - Hướng dẫn du lịch	7810101	3	A07, C00, C03
8	Quản trị khách sạn	7810201	3	C00, C03, C04, C14, D01, D14, D15
9	Quản trị khách sạn (Chuẩn quốc tế)	7810201_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
10	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị sự kiện	7810202	3	C00, D01, D14



CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN - KỸ SƯ CHUẨN QUỐC TẾ

9 NGÀNH ĐÀO TẠO 11 CHƯƠNG TRÌNH

ƯU ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. QUẢN TRỊ KINH DOANH • Kinh doanh quốc tế • Quản trị doanh nghiệp và công nghệ	7340101_QT 7340101_DNCN	A00 C00 C01 C03 D01
2. MARKETING • Marketing số và truyền thông xã hội	7340115_DM	
3. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	7340122_QT	
4. LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	7510605_QT	
5. KẾ TOÁN • Kế toán tài chính	7340301_QT	
6. LUẬT KINH TẾ	7380107_QT	A00 A01 C01 C03 D01
7. QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	7810201_QT	
8. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN • Kỹ thuật phần mềm • Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201_QT 7480201_CNST	
9. CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	7510205_QT	

- CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN QUỐC TẾ**
Chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế, chú trọng thực hành và kỹ năng ứng dụng.
- GIẢNG DẠY SONG NGỮ (ANH – VIỆT)**
Sinh viên học song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, tỷ lệ tiếng Anh tăng dần theo từng năm giúp nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức và hội nhập.
- CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH TÍCH HỢP**
Lồng ghép tiếng Anh trong toàn bộ quá trình học, giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra B2 (tương đương IELTS 5.5–6.0).
- LỘ TRÌNH S.T.A.R BỐN BƯỚC**
Phát triển toàn diện cả về chuyên môn, tiếng Anh và kỹ năng mềm – 3 yếu tố then chốt để thành công
- ĐÀO TẠO GẮN KẾT THỰC TIỄN**
Kết hợp học tập và thực hành qua các đồ án, dự án nghiên cứu, đề án khởi nghiệp, đảm bảo sinh viên sẵn sàng làm việc sau tốt nghiệp.
- CƠ HỘI CHUYỂN TIẾP DU HỌC**
Sinh viên có cơ hội học chuyển tiếp và nhận bằng từ các đại học uy tín tại Úc (La Trobe), Thái Lan (AIT), Đài Loan (MCU, CCU),...



TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP
HUONGNGHIEP@NIIE.EDU.VN



ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
XETTUYEN.NIIE.EDU.VN

VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ NTT (NIIE)

458/3F NGUYỄN HỮU THỌ, PHƯỜNG TÂN HUNG, TP. HỒ CHÍ MINH



HOTLINE: 0934.116.244 - 0938.116.244 - 0838.116.244

NIIE.EDU.VN

NIIE@NTT.EDU.VN